PHÚ YÊN CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC	**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**	ilac-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 746

Số: 27/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	111M$_1$01/16	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	01/08/2016 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
	112B08/16	Bể chứa NMN Phú Hòa		Trần Quang Vinh	01/08/2016 9g30-9g45	
	112M$_1$08/16	Hộ dân huyện Phú Hòa			01/08/2016 9g45-10g15	
2	113M$_1$01/16	131 Nguyễn Thái Học		Nguyễn Thị Cẩm Tú	01/08/2016 8g30-8g45	
3	113M$_2$01/16	8/19 Nguyễn Huệ			01/08/2016 9g00-9g15	Phạm Thị Luyện
4	113M$_3$01/16	Khu tái định cư Ninh Tịnh			01/08/2016 9g30-9g45	
5	114B01/16	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Phạm Thị Luyện	01/08/2016 8g00-8g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
10	115B04/16	Bể chứa NMN Sông Hinh		Nguyễn Thị Dung	01/08/2016 8g30-8g45	
11	115B05/16	Bể chứa NMN Sơn Hòa			01/08/2016 10g00-10g15	

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				111M$_1$01/16	112B08/16	112M$_1$01/16	113M$_1$01/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,92	7,21	7,25	6,87
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,12	0,43	0,43	0,45
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,02	0,02	0,03	KPH (LOD=0,019)
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	12,46	17,18	17,51	13,14
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	41,45	55,09	55,6	41,45
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH LOD=0,0026
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	12,80	2,90	3,40	3,50
10	Mùi vị(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,80	0,70	0,70	0,70
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6,2	6,8	6,9	6,7
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,0095)	KPH (LOD=0,0095)	0,01	KPH LOD=0,0095
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,26	0,39	0,26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH LOD=0,0045
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:201	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	KPH LOD=0,3765

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				113M$_2$01/16	113M$_3$01/16	114B01/16	115B06/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	KPH
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	KPH
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,85	6,90	6,73	6,85
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,54	0,53	0,52	0,78
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	KPH (LOD=0,019)	KPH (LOD=0,019)	KPH (LOD=0,019)	0,08
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	12,8	12,46	12,80	13,14
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	41,95	41,45	40,94	21,23
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH LOD=0,0026
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	14,40	7,10	4,70	4,10
10	Mùi vị(*)	Không mùi, vị la	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,70	0,70	0,80	0,18
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6,3	6,1	6,2	3,0
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,0095)	KPH (LOD=0,0095)	KPH (LOD=0,0095)	0,01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,39	0,32	0,32
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH LOD=0,0045
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:201	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	0,44	0,44

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				115B07/16			
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7,15			
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,76			
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	KPH (LOD=0,019)			
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	12,12			
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	40,94			
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)			
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	3,60			
10	Mùi vị(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không			
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,60			
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6,5			
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,02			
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,45			
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)			
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:201	0,53			

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Lãnh Đạo Công Ty	Phòng Kỹ Thuật	Bộ Phận Hóa nghiệm
Nguyễn Tấn Thuần		Võ Bá Duy Huân